

# QUAN HỆ THƯƠNG MẠI CỦA ĐẠI VIỆT VÀ JAVA THẾ KỶ XI - XIV

NGUYỄN TIẾN DŨNG\*

**K**hảo cứu hoạt động thương mại của Đại Việt và Java thế kỷ XI - XIV, chúng ta thấy rằng: Dường như quan hệ buôn bán chỉ “cầm chừng để hỗ trợ cho quan hệ ngoại giao”. Tuy nhiên, ở một mức độ nào đó, quan hệ bang giao có thể đồng nghĩa với quan hệ thương mại và quan hệ bang giao dường như đã “hoà nhập” với quan hệ thương mại. Theo quan điểm của nhà nghiên cứu Nhật Bản Momoki Shiro khi khảo sát quan hệ triều cống của Trung Quốc với các quốc gia Đông Nam Á, ông cho rằng giá trị vật tặng mà triều đình Trung Quốc “ban lại” cho các phái đoàn triều cống cao hơn nhiều cống phẩm mà các nước “chư hầu” dâng tặng “thiên triều”. Phải chăng trong quan hệ thương mại - bang giao giữa Đại Việt và Java điều đó đã từng xảy ra và là nhân tố thúc đẩy Java thiết lập quan hệ bang giao với Đại Việt - một quốc gia tương đối xa xôi. Sự ghi chép ít ỏi trong các nguồn thư tịch cổ chưa cho phép chúng ta khẳng định điều đó nhưng cũng phải thấy rằng Đại Việt có vị trí đặc thù trong hệ thống giao thương châu Á bởi sự phong phú về

tài nguyên thiên nhiên, có tuyến biển rộng lớn và gần kề với khu vực thị trường miền Nam Trung Hoa.

Và quan hệ thương mại - bang giao của Đại Việt và Java thời Lý - Trần ghi chép trong các nguồn thư tịch cổ được coi là quan hệ chính thức - quan phương. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*: Thời Lý, thuyền buôn Java đến “triều cống”, buôn bán những năm 1066 và 1149 và thời Trần những năm 1349, 1360, 1394. Sử cũ đã chép: “Kỷ Sửu (1349), mùa hạ, tháng 5, nước Đại Oa sang cống sản vật địa phương và chim vẹt đỏ biết nói”<sup>(1)</sup>; “Canh Tý (1360), mùa đông, tháng 10, thuyền buôn của các nước Lộ Lạc, Trảo Oa, Xiêm La đến Vân Đồn buôn bán, tiến vật lạ”<sup>(2)</sup>; “Giáp Tuất (1394), mùa xuân, tháng Giêng, thuyền buôn nước Chà Bà tới dâng ngựa lạ”<sup>(3)</sup>. Sách *Đại Việt sử ký* cũng cho biết thêm về các hoạt động ngoại thương mà theo chúng tôi là có liên quan đến sự kiện lập trang Vân Đồn năm 1149: “Vua thấy hải thương có nhiều hàng quý và sản vật phương xa, tiện cho việc thông thương và thượng tiến, cho lập trang ở các nơi hải

---

\* Nguyễn Tiến Dũng. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội

dảo, gọi là Vân Đồn để cho họ ở" <sup>(1)</sup>. Như vậy, những ghi chép về quan hệ thương mại của Đại Việt và Java thời Lý - Trần trong các nguồn thư tịch cổ là không nhiều nhưng đây là cơ sở quan trọng xác nhận quan hệ thương mại giữa hai nước trong suốt thế kỷ XI - XIV. Để có cách nhìn lịch đại về quan hệ thương mại - "triều cống" của Đại Việt và Java, chúng tôi đã tiến hành thống kê như bảng 1 dưới đây theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Không chỉ các nguồn thư tịch cổ Việt Nam, mà các nguồn thư tịch cổ của Java cũng xác nhận mối quan hệ này. *Nagarakertagama* được biên soạn nửa cuối thế kỷ XIV là tập thơ, tập sử biên niên nổi tiếng của Java và Indonesia.

Những ghi chép của *Nagarakertagama* về thương mại là không nhiều nhưng nó cho thấy tầm quan trọng của thương mại với sự phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng uy quyền của nhà vua trên hòn đảo Java. Hoạt động hải thương gắn liền với các lễ hội, đặc biệt là lễ hội Caitra - một lễ hội lớn trong năm, "ở đó thương nhân Ấn Độ, Campuchia, Trung Quốc, Thái Lan, Champa, Việt Nam và những nước khác tụ tập để bày tỏ lòng tôn kính và dâng tặng các món quà lên quốc vương của Majapahit"<sup>(5)</sup>. Đây là thông tin vô cùng quý giá song vẫn cần sự kiểm chứng vì tư liệu được sử dụng vẫn là nguồn tư liệu gián tiếp nhưng nếu đây là thông tin chuẩn xác thì sẽ góp phần *ghi nhận khả*

Bảng 1

Triều	Năm	Thời gian	Người dẫn đầu	Công phẩm	Số lượng
Lý	1066	Mùa thu, tháng 9	Lái buôn	1. Ngọc châu dạ quang. 2. Trả tiền giá 1 vạn quan.	? ?
	1149	Mùa xuân, tháng 2.	?	1. Dâng sản vật địa phương. 2. Mua bán hàng hoá quý.	? ?
Trần	1349	Mùa hạ, tháng 5.	?	1. Dâng sản vật địa phương. 2. Chim vẹt đỏ biết nói.	?
	1360	Mùa đông, tháng 10.	?	Dâng các vật lạ.	?
	1394	Mùa đông, tháng 10.	?	Dâng ngựa lạ	?
Lê sơ	1434	Tháng 9	?	Cống lễ vật địa phương.	?
		Tháng 11.	Bát Đế (Tiên Tôn)	1. Dâng thổ sản. 2. Gõ đàn hương.	? ?
	1467	Mùa đông, tháng 10	Na Bôi	?	?

*năng vượt biển đến những vùng đất xa xôi của các thương nhân Đại Việt cũng như góp phần khẳng định quan hệ thương mại - bang giao giữa Đại Việt và Java thời kỳ này là quan phương và hai chiều.*

Có hay không có sự hiện diện của thương nhân Đại Việt ở Java thời kỳ này? do sự ghi chép ít ỏi của các nguồn thư tịch cổ Việt Nam cho nên đây vẫn là câu hỏi lớn đối với các nhà nghiên cứu. Nhưng, sự hiện diện và khả năng vượt biển của thương nhân Đại Việt đến đảo Hải Nam<sup>(6)</sup> và các vùng khác ở Nam Trung Hoa đã được các nguồn thư tịch cổ Trung Quốc ghi chép. Sách *Tục tư trị thông giám trường biên* của Lý Đào – người đời Nam Tống – có chép: “Tháng 6, Giáp Tý, niên hiệu Đại Trung Tường Phù thứ 5 đời Tống Chân Tông (1012), Chuyển vận sứ của Lộ Quảng Nam Tây tâu rằng: Lý Công Uẩn ở Giao Châu xin được đưa người và thuyền đến thẳng Ung Châu để buôn bán”<sup>(7)</sup>. Bộ sách *Lĩnh ngoại đại đáp* được biên soạn dưới thời Tống, còn chép thêm: “Tất cả các thứ doanh sinh của Giao Chỉ, đều trông cả vào Khâm Châu, thuyền bè đi lại không ngớt. Trường bác dịch ở trạm Giang Đông ngoài thành. Những người đem cá, trai đến đổi lấy gạo, thuốc vải gọi là dân Đan ở Giao Chỉ. Phú thương nước ấy lại đổi chác, tất phải từ châu Vĩnh Yên ở biên nước ấy đưa điệp sang Khâm thì gọi là “tiểu cương”; nước ấy sai sứ đến Khâm, nhân tiện để đổi chác, thì gọi là “đại cương”. Các thứ họ mang đều là vàng, bạc, đồng, tiền, trầm hương, quang hương, thực hương, chân châu, ngà voi, song tê.

Tiểu thương của ta (Trung Quốc - TG) ở gần bán cho các thứ bút, giấy, gạo, vải”<sup>(8)</sup>. Những ghi chép này là nguồn bổ sung rất có giá trị cho các bộ chính sử Việt Nam, điều này cho thấy phần nào sự năng động, khả năng vượt biển cũng như hoạt động giao thương của thương nhân Đại Việt ở nước ngoài. Từ đó, với cách nhìn *đồng đại* và *đối sánh* cho phép chúng ta có thể liên tưởng đến khả năng thương nhân Đại Việt đã vượt biển đến Java để tiến hành giao thương là điều rất có thể xảy ra.

Vậy thời Lý - Trần mặt hàng buôn bán chính giữa hai nước là gì? Và hoạt động thương mại diễn ra với cường độ như thế nào? Đây thật sự là một khoảng trống về nhận thức lịch sử, những ghi chép ít ỏi trong các nguồn thư tịch cổ, chưa cho chúng ta thấy rõ vấn đề này. Căn cứ vào hoạt động ngoại thương của Đại Việt thế kỷ XI - XIV: “Hàng xuất của ta thường là lâm thổ sản và hàng nhập khẩu là các sản phẩm như giấy bút, tơ vải, gấm, vóc”<sup>(9)</sup>. Đây là cứ liệu gián tiếp và cũng chưa thật sự cụ thể, trong tương quan buôn bán của Đại Việt với nhiều quốc gia thời kỳ này. Trong 5 lần đại diện của Java đến Đại Việt thời Lý - Trần, có thể liệt kê các mặt hàng mà họ mang đến để thiết lập quan hệ bang giao thương mại gồm: *Ngọc châu dạ quang, chim vẹt đỏ biết nói, ngựa lạ, vật lạ, sản vật lạ*. Trong *Văn đài loại ngữ*, học giả Lê Quý Đôn cũng cho biết thêm: “Đời nhà Trần, thuyền buôn thông thương các nước như: *Vóc đoạn* của các nước Tây dương: *vải hoa, trân châu, cánh trả, kim la (thanh la)* của Trà Vã; *gấm, chim ưng,*

*cá sấu, da tê, ngà voi, trầm hương, bạch đàn* của Miên, Lào, không thiếu thứ gì, đều là những thứ dồi dào sau ít có”<sup>(10)</sup>. Những ghi chép của Lê Quý Đôn là rất đáng ghi nhận, song Lê Quý Đôn là người không trực tiếp sinh sống ở thời Trần cho nên những số liệu trên vẫn cần được kiểm chứng. Tuy nhiên, nhận xét của Lê Quý Đôn, một học giả lớn thế kỷ XVIII, miêu tả hoạt động ngoại thương diễn ra từ nhiều thế kỷ trước khiến chúng ta có thể liên tưởng rằng hẳn hoạt động ngoại thương thời Trần phải là hoạt động phát triển nổi bật, trong đó có hoạt động giao thương với Java. Các nguồn thư tịch cổ Việt Nam tuy có chép nguồn hàng mà Java mang đến, nhưng tuyệt nhiên không ghi chép một chút nào số lượng hàng hoá, sản vật mà Đại Việt đem ra buôn bán và tặng lại.

Tuy nhiên, bên cạnh quan hệ quan phương - chính thức, chúng ta chắc chắn có thể khẳng định quan hệ buôn bán “phi quan phương” giữa Đại Việt và Java đã hình thành thời kỳ này. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép “Mậu tý (1348) mùa đông, tháng 10, thuyền buôn nước Đồ Bô đến hải trang Vân Đồn ngầm mua ngọc trai. Người Vân Đồn nhiều kẻ mò trộm ngọc trai bán cho họ. Chuyện này bị phát giác đều bị tội cả”<sup>(11)</sup>. Bộ thư tịch cổ này cũng cho biết thêm về hoạt động buôn bán ngoài luồng của hai quốc gia dưới thời Lê sơ vào năm 1434: “Triều đình có lệnh cấm quan lại và dân chúng không được mua bán vụng trộm hàng hóa nước ngoài. Bấy giờ, có thuyền buôn Trảo Oa đến trấn Vân Đồn, bọn Tông Tử giữ việc xét ghi sổ hàng hóa trong thuyền, trước đã báo nguyên số

rồi, sau lại gian lận đổi làm bản khác, mà bán trộm đi hơn 900 quan tiền, cùng với Lê Dao, mỗi người chiếm riêng 100 quan. Việc bị phát hiện nên cả hai đều bị tội”<sup>(12)</sup>. Và quan hệ “phi quan phương” thực sự trở thành nhu cầu bức thiết, là cách thức để thương nhân Java hỗ trợ quan hệ triều cống, và còn để họ khắc phục sự thiếu hụt các mặt hàng quý hiếm và các vật dụng tiêu dùng. Phải chăng do hoạt động thương mại ngoài luồng (phi quan phương) diễn ra phổ biến và mạnh mẽ đến mức khiến nhà Trần ngay năm sau “năm Kỷ Sửu (1349), đặt quan trấn, quan lộ và sát hải sứ ở trấn Vân Đồn, lại đặt quân Bình Hải để trấn giữ”<sup>(13)</sup>. Hành động này của vương triều Trần dường như mục đích là nhằm bảo vệ an ninh của tổ quốc, nhưng hàm chứa trong đó là khát khao nắm giữ và kiểm soát độc quyền hoạt động kinh tế đối ngoại của đất nước, trong đó có quan hệ thương mại đối với Java.

Khi nghiên cứu quan hệ thương mại của Đại Việt và Java thời Lý - Trần, một mặt hàng không thể bỏ qua đó là gốm sứ. Với tính năng là một loại hình sản phẩm hàng hoá có khả năng chống trả mãnh liệt và bền bỉ tồn tại ngay cả trong điều kiện khắc nghiệt nhất của tự nhiên, những phát hiện khảo cổ học về gốm sứ thời Trần là nguồn sử liệu vô cùng quan trọng, minh chứng cho quan hệ thương mại của hai nước. Điều đáng chú ý là loại hình hiện vật này đã bổ sung cho những ghi chép trong các nguồn sử liệu cổ. Ở Việt Nam, thời Lý, “những vật liệu gốm từ thế kỷ XI về sau, đồ dùng trong việc ăn uống đã được phân định rõ ràng và đồ gốm tham

gia nhiều hơn vào đời sống âm thực<sup>(14)</sup>. Gốm thời Lý xuất hiện với đa dạng về loại hình và chủng loại như bát, đĩa, âu, ấm, cối, lon, bình vôi... với các họa tiết hoa văn phong phú, tinh tế, điều này góp phần cho thấy "nghề gốm men đã có bước phát triển cao cả về kỹ thuật và nghệ thuật"<sup>(15)</sup>.

Kế tiếp thời Lý, những phát hiện khảo cổ mới đây cho chúng ta thấy *gốm sứ thời Trần là mặt hàng buôn bán rất đáng chú ý trong hệ thống thương mại biển Đông*. Hiện nay, người ta đã tìm thấy nhiều đồ gốm trắng men thời Trần rất đẹp điều đáng chú ý là trong lịch sử nhà Nguyên đã bắt vua Trần cống cả chén bát sứ<sup>(16)</sup>. Điều đó chứng tỏ rằng đồ gốm của Đại Việt thời bấy giờ khá độc đáo và tinh xảo. Chúng ta đều biết vào thời Trần "làng xã Đại Việt bắt đầu sản xuất gốm sứ và tơi lụa cho xuất khẩu và kỹ thuật cải tiến cuối thời Trần đã làm cho việc sản xuất đồ men nâu chìm mang kiểu dáng Nguyên vốn được giá trên thị trường quốc tế trở thành thực thi"<sup>(17)</sup>. Với đặc tính thông dụng và có thể sử dụng, bảo quản được lâu dài, gốm sứ trở thành mặt hàng ưa thích của giới quý tộc thời bấy giờ. "Từ thời Trần, chỗ đứng của đồ gốm Việt Nam trên thị trường Đông Nam Á dần trở nên vững chắc và ổn định"<sup>(18)</sup>. Theo nghiên cứu của các nhà Khảo cổ học, gốm Việt Nam dưới thời Trần, được sản xuất rộng rãi ở Thanh Hoá, Thiên Trường (Nam Định), đặc biệt là ở Chu Đậu - Hải Dương (vào cuối thời Trần).

Phải chăng "gốm màu lục và gốm màu trắng của Đại Việt được sản xuất là nhằm

đáp ứng đòi hỏi của thị trường Tây Á, với những sản phẩm đẹp mắt được xuất khẩu đến Ba Tư (Persia), Ai Cập, và Thổ Nhĩ Kỳ"<sup>(19)</sup>. Thật đáng tiếc là, *gốm sứ thương mại của Đại Việt không được các sử gia phong kiến ghi chép cụ thể trong các bộ chính sử*, để có thể khẳng định chắc chắn vấn đề này. Song với lượng gốm sứ thời Trần phát hiện được nhiều vùng trên thế giới có thể gốm sứ trở thành một trong những mặt hàng quan trọng để Đại Việt thiết lập quan hệ thương mại với nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Java.

Hiện nay, bằng những thành tựu khảo cổ học mới, các nhà khảo cổ học Việt Nam đang dần làm sáng tỏ vấn đề này. Nhà khảo cổ học Bùi Minh Trí cho rằng: "Trong số các di tích gốm Việt Nam ở Đông Nam Á, thì quần đảo Indonesia được xem là nơi nổi tiếng nhất tìm thấy đồ gốm quý của Việt Nam... Đáng chú ý nhất là những phát hiện ở Trowulan, trung tâm vương quốc Majapahit (1292-1500) nằm ở miền Đông Java... Xung quanh thủ đô của vương quốc này, người ta tìm thấy rất nhiều đồ gốm thương mại của Việt Nam, chủ yếu là gốm màu lam"<sup>(20)</sup>.

Cùng với các phát hiện trên, một số công học giả quốc tế cũng cho rằng: "Các đồ gốm trắng men (của Đại Việt - TG) được sử dụng rộng rãi ở Đông Java, đối tác cung cấp cho triều đình Majapahit, các đồ gốm trắng men và gốm thô được chỉ ra rằng chúng được sản xuất ở vùng Hải Dương"<sup>(21)</sup>.

Nhưng một khó khăn cho chúng tôi đó là, gốm sứ Việt Nam phát hiện ở châu Á

nói chung và Java nói riêng chủ yếu vào giai đoạn từ cuối thời Trần trở về sau. Cho nên, vấn đề phân loại và sử dụng gốm sứ làm tài liệu trong quá trình phác dựng lại quan hệ thương mại hai nước thời Lý - Trần là công việc đòi hỏi sự thận trọng và tỉ mỉ. Bên cạnh đây, cũng cần lưu ý rằng, những hiện vật gốm sứ của Đại Việt tìm thấy xung quanh kinh đô của vương triều Majapahit cũng có thể là những hiện vật được mang đến vào thời kỳ sau này. Tuy nhiên, điều đặc biệt là, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy hiện vật gốm sứ của Việt Nam ở Java không chỉ từ cuối thời Trần trở về sau mà tại cảng thị Tuban - thương cảng nổi tiếng ở miền Đông Java, gốm sứ Việt Nam khai quật được có niên đại xác định là của thế kỷ X. Tuy số lượng tìm được không thật phong phú nhưng hiện vật gốm của Việt Nam đã khai quật ở Java có niên đại thế kỷ X cho thấy gốm sứ Việt Nam đã sớm tham gia vào thị trường gốm sứ khu vực và quốc tế. Qua đó, chúng ta cũng có thể liên tưởng đây có thể là một trong những mặt hàng giao dịch của Đại Việt và Java trong suốt thời đại Lý - Trần.

Điều này sẽ có nhiều cơ sở hơn khi chúng ta đặt giao dịch gốm sứ giữa Đại Việt và Java vào bối cảnh thương mại khu vực, trong các mối quan hệ - tương tác của giao lưu quốc tế thời kỳ này. Trong đó, Trung Quốc với vị thế là một trong những đế chế và trung tâm kinh tế lớn ở phương Đông, vì vậy, Trung Quốc - mà đặc biệt là vùng Nam Trung Hoa, là điểm đến hấp dẫn đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Nếu như đối với Java, thông qua quan hệ với Đại Việt, Java có thể tiếp xúc - thông

thương thuận lợi hơn với vùng kinh tế Nam Trung Hoa; thì đối với Việt Nam quan hệ của Việt Nam với Trung Quốc được coi là quan hệ có tính truyền thống nhất. Buôn bán nhộn nhịp giữa hai nước không chỉ được diễn ra tại dọc biên giới trên bộ, đặc biệt dưới thời Lý thông qua các "bạc dịch trường", mà còn diễn ra sôi động trên biển, tại hệ thống thương cảng Vân Đồn và dọc theo vùng duyên hải.

Không chỉ dừng lại đó, dường như, hoạt động của các Hoa thương thời kỳ này còn có ảnh hưởng đối với quan hệ thương mại của Đại Việt và Java, bởi bên cạnh quan hệ thương mại trực tiếp, hoạt động giao thương của Đại Việt và Java dường như còn diễn ra gián tiếp qua nhân tố Trung Hoa. Và với những hoạt động năng nổ và tích cực của mình, thương nhân Trung Hoa đã khẳng định: "Sự phát triển của tiền đồng Trung Hoa trong buôn bán ở vùng eo Malacca, đã được kết nối với sự thịnh vượng của Java. Ở Đông Nam Á hải đảo, tiền đồng Trung Hoa nắm giữ được vị trí quan trọng ở ba địa điểm: Java, Kota Cina và Temasik. Trong đó, Java là một thể chế kinh tế và chính trị lớn ở Đông Nam Á hải đảo trong suốt thế kỷ XI - XIV. Sự khai quật các địa điểm khảo cổ học xác định từ thế kỷ XI, trong lưu vực đồng bằng sông Brantas (đồng bằng miền Đông Java - TG) đã cung cấp một số lượng lớn tiền đồng Trung Quốc" (22).

Trong khi chính sử Việt Nam ghi chép hạn chế về Java và các hoạt động thương mại với quốc gia này, thì các bộ thư tịch cổ Trung Quốc lại ghi chép khá cụ thể về

Java. Như sách *Lĩnh ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi có chép: “Nước Đồ Bà lại có tên là Bồ Gia Long, ở phía Đông Nam biển. Địa thế thấp cho nên gọi là “Hạ Ngạn”. Ở Quảng (hầu, từ khoảng tháng 11, tháng 12, thuyền buôn bắt đầu đi, thuận chiều gió, đi cả ngày đêm, thì một tháng có thể đến nơi. Quốc vương búi tóc ở sau gáy còn nhân dân thì cạo đầu để tóc ngắn. Họ thích dùng vải hoa để quần mình. Lấy quả dừa cùng nước cây thát thụ làm rượu. Đường mía có sắc đỏ trắng, vị rất ngon ngọt. Dùng bạc, thau, thiếc nấu lẫn đúc làm tiền. Tiền ấy cứ 60 tiền tính là một lạng vàng, dùng 32 tiền là nửa lạng vàng. Thổ sản có hồ tiêu, đàn hương, đinh hương, bạch đậu khấu, nhục đậu khấu, trầm hương”<sup>(23)</sup>; “Các phiên quốc có nhiều hóa vật quý báu, không nước nào bằng nước Đại Thực (có thể là Ấn Độ - TG), thứ đến nước Đồ Bà, lại thứ đến nước Tam Phật Tê, rồi là các nước khác mà thôi. Nước Tam Phật Tê là nơi mà các nước đi lại đường biển phải qua. Tam Phật Tê mà lại Trung Quốc, thì đi thuyền theo hướng chính Bắc, qua các đảo Thương, Hạ Trúc và biển Giao Chỉ mới đến cõi của Trung Quốc. Còn muốn đến Quảng thì vào cửa Đồn Môn, muốn đến Tuyên Châu, thì vào từ cửa Giáp Tý. Đồ Bà mà lại, thì đi thuyền theo hướng hơi Tây Bắc, qua đá Thập nhị tử Thạch rồi nhập cùng đường biển của Tam Phật Tê ở dưới đảo Trúc Dữ”<sup>(24)</sup>. Sách *Minh sử* còn chép thêm: “Vĩnh Lạc, năm thứ ba (1405), sai sứ theo sứ thần Qua Oa đến triều cống. Nước ấy còn có tên gọi là Miêu Lý Vụ ở gần Lữ Tống (có thể là vùng Luzon thuộc

Philippin ngày nay - TG). Thuyền buôn qua lại dần dần trở thành đất giàu có. Người Hoa đến nước ấy, không dám bắt nạt, phép buôn bán rất sòng phẳng, cho nên người Hoa nói rằng: “Nếu muốn giàu có thì phải đến Miêu Lý Vụ”<sup>(25)</sup>.

Như vậy, các nguồn thư tịch cổ Trung Quốc là những nguồn tư liệu rất có giá trị, bổ sung có hiệu quả cho các bộ chính sử Việt Nam. Qua việc tham khảo các nguồn thư tịch cổ đó, chúng ta không chỉ biết tới vị trí, đất nước, con người, văn hóa Java; mà chúng ta phần nào còn thấy lộ trình hải thương giữa Trung Quốc và Java nói riêng và lộ trình thương mại ven bờ ở biển Đông thời kỳ này nói chung. Trong đó, không chỉ diễn ra hoạt động giao thương đơn tuyến giữa Đại Việt - Java, Đại Việt - Trung Quốc, hay Trung Quốc - Java; mà dường như đã hình thành tam giác giao thương Đại Việt - Trung Quốc - Java. Đây là điều rất có cơ sở diễn ra vì theo *An Nam hành ký* của Từ Minh Thiện thì *trong số đồ cống cho vua Nguyên năm 1289, có 20 súc vải trắng Java, 10 súc vải màu Java và 3 tấm đoạn lông vàng nước Tây dương*<sup>(26)</sup>; thêm vào đó lại đặt trong bối cảnh “từ giữa thế kỷ XI, có sự đẩy mạnh buôn bán quốc tế giữa Đông Java và Nam Trung Quốc, điều này góp phần thúc đẩy tiếp xúc chính trị và văn hoá của những vùng xung quanh, như Angkor với Vijaya, Nam Trung Quốc với vùng duyên hải của Đại Việt”<sup>(27)</sup>, phải chăng thông qua việc thiết lập mối liên hệ mật thiết với Trung Quốc, quan hệ Đại Việt - Java có điều kiện tiếp xúc - thông thương thuận lợi

hơn, trong đó có giao thương gốm sứ.

### Một số nhận xét

Như vậy, quan hệ của Đại Việt và Java thế kỷ XIV là mối quan hệ diễn ra khá đa dạng dưới nhiều hình thức. Cùng với quan hệ chính trị - ngoại giao còn có quan hệ thương mại và những hoạt động buôn bán phi quan phương (thương mại ngoài luồng, giao lưu gốm sứ - hoạt động không được ghi chép trong các bộ chính sử). Tuy nhiên, thật khó có thể phân định một cách thật rõ ràng là, trong quan hệ của hai nước thời kỳ này đâu là quan hệ chính trị - bang giao, đâu là hoạt động thương mại thuần túy. Quan hệ thương mại và quan hệ chính trị - ngoại giao dường như có mối liên hệ mật thiết và trong nhiều trường hợp có sự giao hoà với nhau. Nhưng trong nhiều thời điểm, quan hệ thương mại giữa hai nước không chỉ hỗ trợ cho quan hệ ngoại giao mà nó trở thành một ngành kinh tế độc lập, thúc đẩy các mối quan hệ khác. Và trong tương quan quan hệ của Đại Việt với các quốc gia khu vực thời kỳ này, trong khi quan hệ của Đại Việt với Champa, Chân Lạp yếu tố chính trị - ngoại giao là nổi trội; thì quan hệ của Đại Việt với Java yếu tố thương mại có phần sâu đậm và diễn hình hơn.

Bằng các nguồn tài liệu hiện có, chúng tôi cố gắng phác dựng lại mối quan hệ thương mại của Đại Việt với Java thời Lý - Trần. Hiện nay, các nguồn thư tịch cổ Việt Nam viết về quan hệ thương mại của hai dân tộc là không thật sự phong phú. Các nguồn tư liệu đó không thể hiện được

quy mô, các mặt hàng buôn bán, số lượng trao đổi cụ thể giữa hai bên. Nhưng, dựa vào một số nguồn tư liệu quý trong *Đại Việt sử ký toàn thư* của Đại Việt và tập sử biên niên - tập thơ *Nagarakertagama* nổi tiếng của Java, chúng ta có thể khẳng định rằng từ đầu thời Lý quan hệ chính thức giữa hai nước đã thật sự được thiết lập. Đồng thời, đặt hai quốc gia trong bối cảnh khu vực, quốc tế và trong hoạt động thương mại ở Biển Đông thế kỷ XI - XIV, cùng với nguồn tư liệu gốm sứ phong phú kết hợp với mạng lưới buôn bán "*phi quan phương*" mở rộng là điều kiện để quan hệ thương mại của Đại Việt và Java thời Lý - Trần không chỉ được duy trì liên tục mà ngày càng có nhiều chuyển biến mới. Trong đó, *quan hệ Đại Việt - Java thời Lý có vai trò xác lập, tạo dựng nền tảng còn thời Trần là sự kế thừa và phát huy ở một tầm cao hơn*. Từ đó có thể cho rằng bằng điều kiện và khả năng thích ứng, Đại Việt và Java đã hoà nhập vào hoạt động thương mại Biển Đông ở những mức độ khác nhau. Bên cạnh đó, chúng ta cũng thấy: từ thời Lý, Đại Việt đã có quan hệ tương đối thường xuyên và mật thiết với một số nước trong khu vực, trong số đó có Java một - *Thế chế biển* diễn hình ở Đông Nam Á/.

### CHÚ THÍCH

1. 3. 11. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, H. 1998, tr. 131, tr. 186., tr 131.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, H. 1998, tr. 313.



4. *Đại Việt sử ký*, dẫn theo Đào Duy Anh, *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, H. 2003, tr. 574.
5. Dẫn theo Kenneth R. Hall, *Maritime trade and state development in Early Southeast Asia*, University of Hawaii Press, Honolulu, 1985, p.246. Cũng theo Kenneth Hall, các thương nhân ngoại quốc đến Java trước khi bắt đầu lễ hội vào gió mùa mùa Tây (tháng 2, tháng 3) và trở lại lục địa châu Á vào gió mùa mùa Hạ; xin xem thêm tại chú thích 47, chương 9, p. 340.
6. Theo truyền thuyết bản địa (Hải Nam - TG), nguồn gốc tộc người của Hải Nam có mối liên hệ mật thiết với cây gỗ lô hội, với người dân Việt vượt biển đến - thông qua cuộc hôn nhân của người đàn ông Việt với Tố mẫu của tộc người Li. Xin xem thêm: Li Tana, *A view from sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese coast*, Journal of Southeast Asian studies, vol 37(1) United Kingdom, 2006, p.92.
7. Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, Dẫn theo Nguyễn Hữu Tâm, *Bác dịch trường: Quan hệ buôn bán biên giới Lý - Tống thế kỷ XI - XIII*, in trong *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu á thế kỷ XVI - XVII*, Nxb Thế giới, H. 2007, tr. 139.
8. Chu Khứ Phi, *Lĩnh ngoại đại đáp*, Phan Duy Tiếp dịch, Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số ĐM 1006B, tr. 67.
9. Trương Hữu Quỳnh (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục, H. 2001, tr. 149.
10. Lê Quý Đôn, *Vân Đài loại ngữ*, Nxb. Văn hoá, H. 1962, tr. 156-157.
12. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 3, sdd.
13. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, sdd, tr 131.
14. Phạm Ngọc Dũng, *Gốm trong đời sống xã hội xưa*, Tạp chí Văn hoá - Nghệ thuật, số 5 - 2004, tr. 79.
15. Bùi Minh Trí, *Tim hiểu ngoại thương Việt Nam qua "con đường gốm sứ trên biển"*, Tạp chí Khảo cổ học, số 5 - 2003, tr. 29.
16. *Cương mục chính biên*, q.7, tr. 2b; *Nguyên sử*, q. 209, *An Nam truyện*, dẫn theo Trần Quốc Vương - Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Tập 1, Nxb Giáo dục, H. 1963, tr. 288.
17. Momoki Shiro, *Đại Việt và thương mại ở biển Đông từ thế kỷ X đến XV*, in trong *Đông Á - ĐÔNG Nam Á: Những vấn đề lịch sử và hiện tại*, Nxb Thế giới, H. 2004, tr. 323.
18. Trương Minh Hằng, *Gốm thương mại Việt Nam trong hành trình mậu dịch gốm sứ châu Á*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1 - 2005, tr. 45.
19. Li Tana, *A View from Sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese coast*, đã dẫn, p. 96
20. Bùi Minh Trí, *Tim hiểu ngoại thương Việt Nam qua "con đường gốm sứ trên biển"*, Tạp chí Khảo cổ học, số 5 - 2003, tr. 54.
21. Xin xem thêm: Li Tana, *A view from sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese coast*, đã dẫn, p. 97
22. Xin xem thêm: Derek Thiam Soon Heng, *Export commodity and Regional currency: The Role of Chinese copper coins in the Melaka straits, Tenth to fourteenth centuries*, Journal of Southeast Asian studies, vol 37(1), United Kingdom, 2006, p. 185
- 23, 24. Chu Khứ Phi, *Lĩnh ngoại đại đáp*, tài liệu đã dẫn, tr. 30, tr. 37.
25. *Minh sử* (phần ngoại quốc truyện), Tư liệu khoa Lịch sử, trường ĐHKHXH & NV - ĐHQGHN, bản viết tay, tr. 7 - 8
26. Từ Minh Thiện, *An Nam hành ký*, Dẫn theo Trần Quốc Vương - Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, sdd, tr. 291.
27. John K. Whitmore, *The rise of Coast: Trade, state, and culture in Early Đại Việt*, Journal of Southeast Asian studies, vol 37(1) United Kingdom, 2006, p. 110.